CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức

Ngày 30/06/2025	74,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.9%	**11.1%**	**10.7%**

DT thuần
Q2/25
220
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.0| 22.4%
YoY: ▲ 31.0| 16.6%

LN thuần
Q2/25
32.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.7| 74.9%
YoY: ▲ 10.2| 46.8%

LN sau thuế
Q2/25
28.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.1| 73.0%
YoY: ▲ 8.70| 43.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
14.6%
YoY: +/-▲ 4.3%

ROE (TTM)
Q2/25
30.9%
YoY: +/-▲ 2.9%

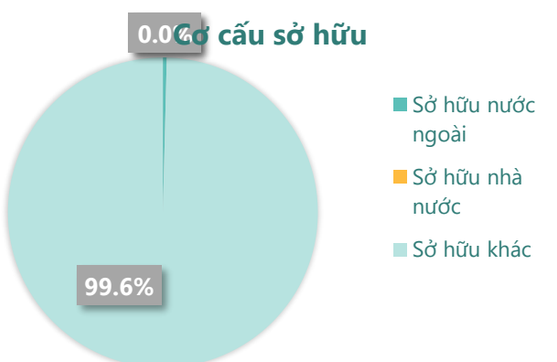
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	51,218 - 84,345
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,154
Số lượng CPLH (CP)	15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.19
EPS	6,154
P/E	12.1

DT thuần
6T 2025
400
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 9.1%

LN thuần
6T 2025
50.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.5| 36.6%

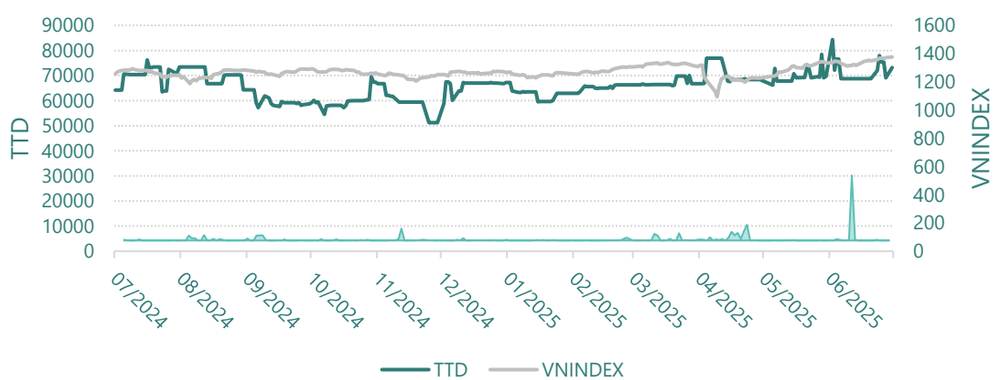
LN sau thuế
6T 2025
45.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.4| 33.7%

Cơ cấu sở hữu

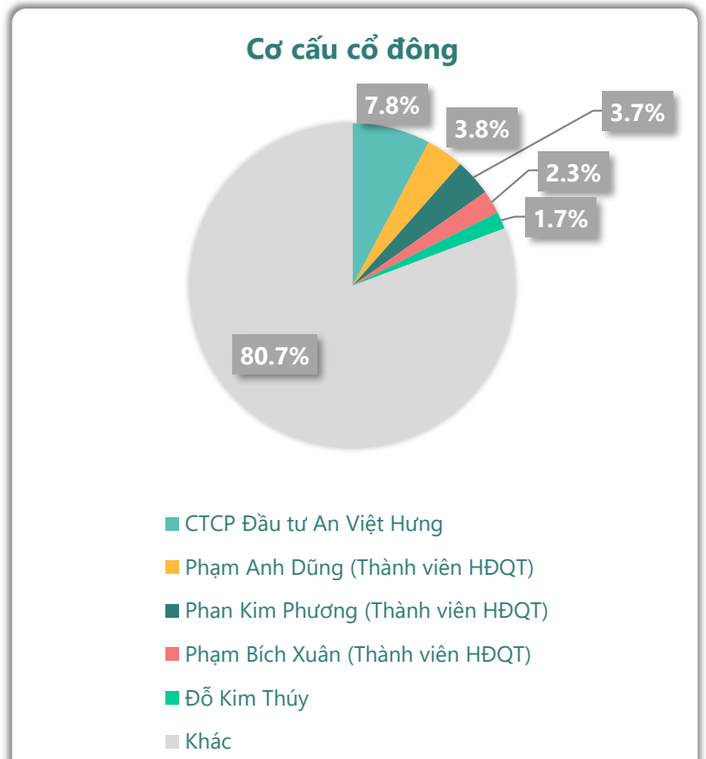


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



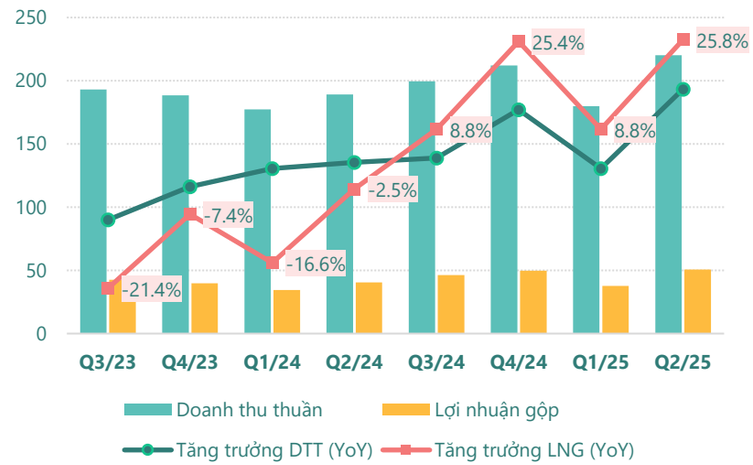
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

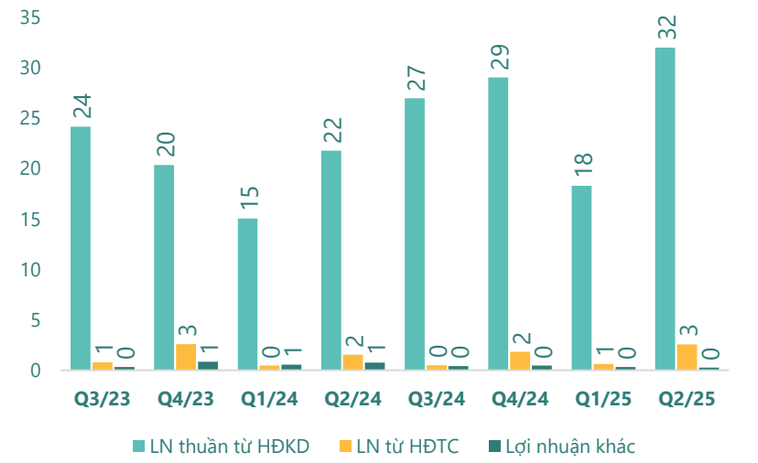
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



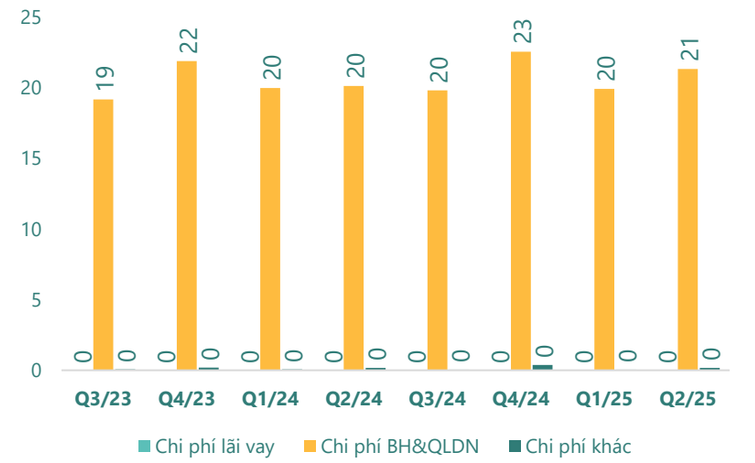
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



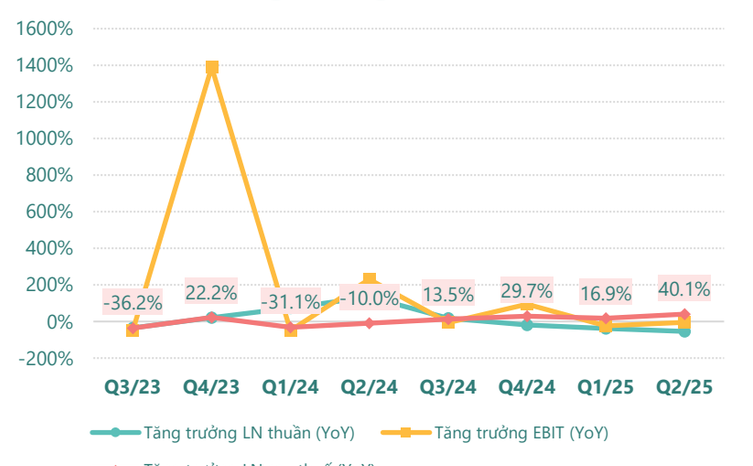
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



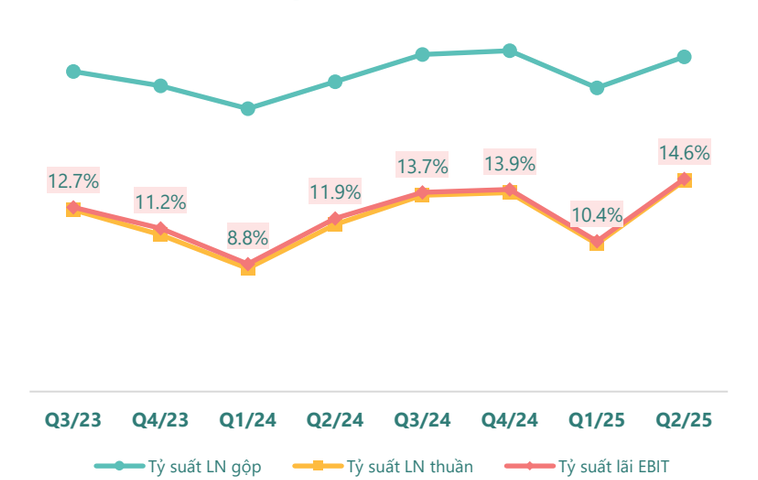
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



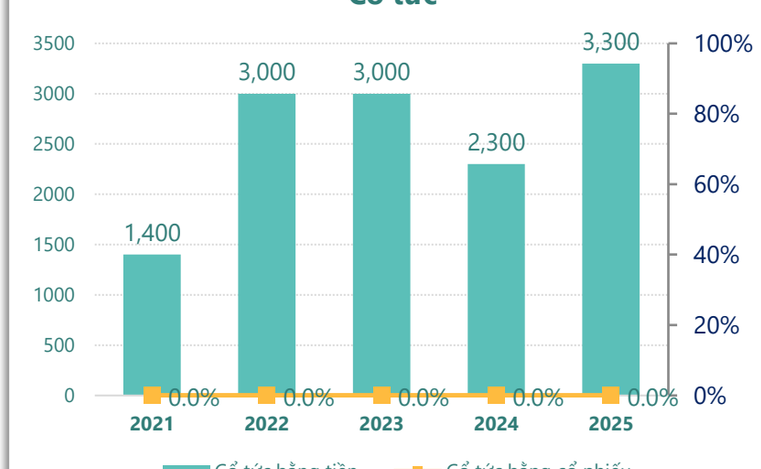
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

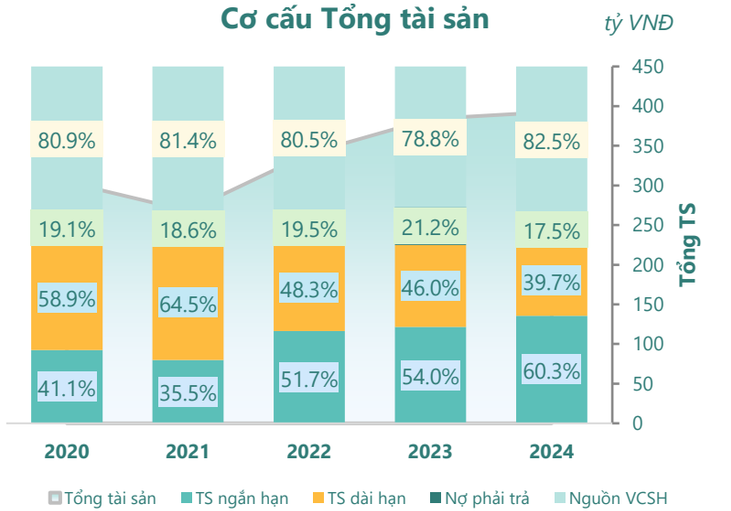
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

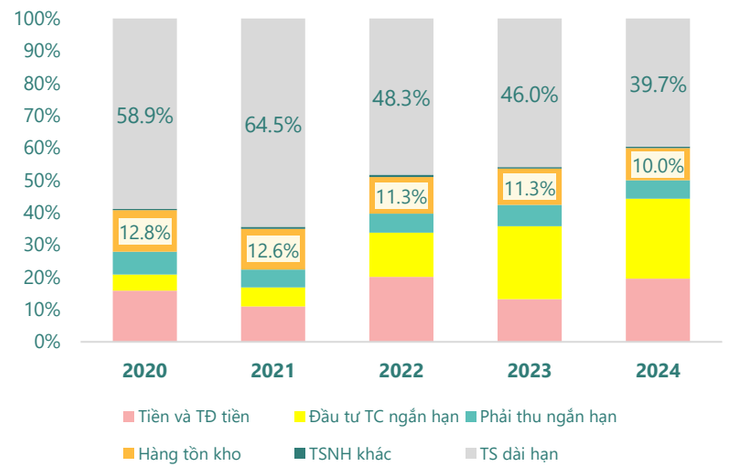
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



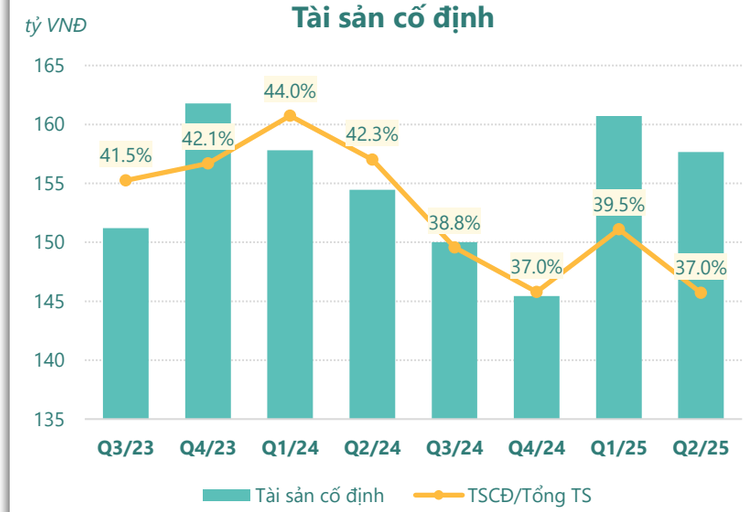
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



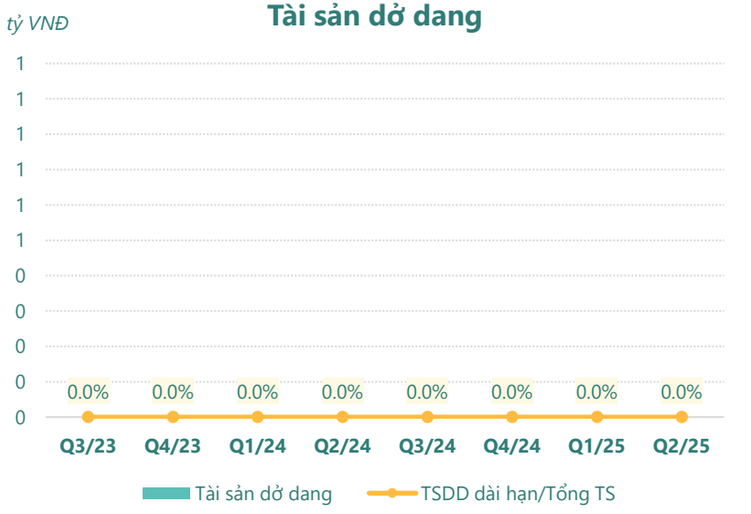
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



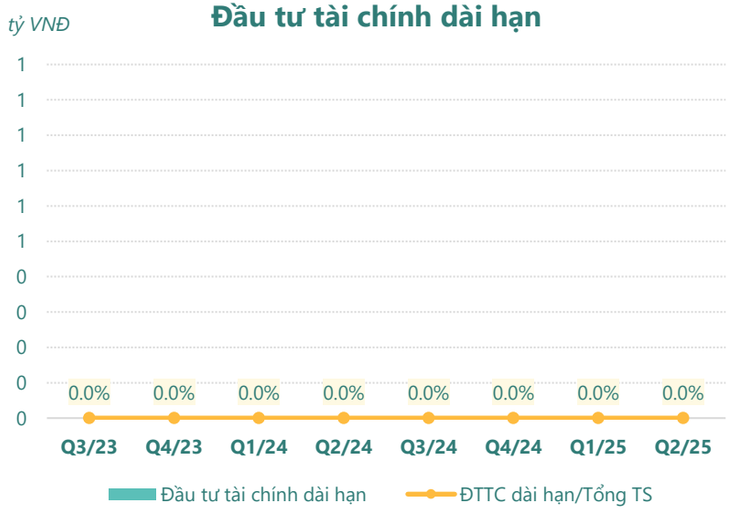
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



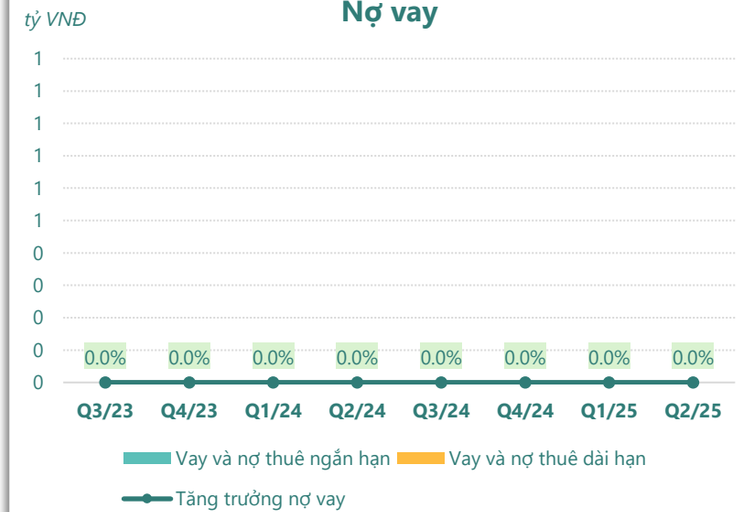
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

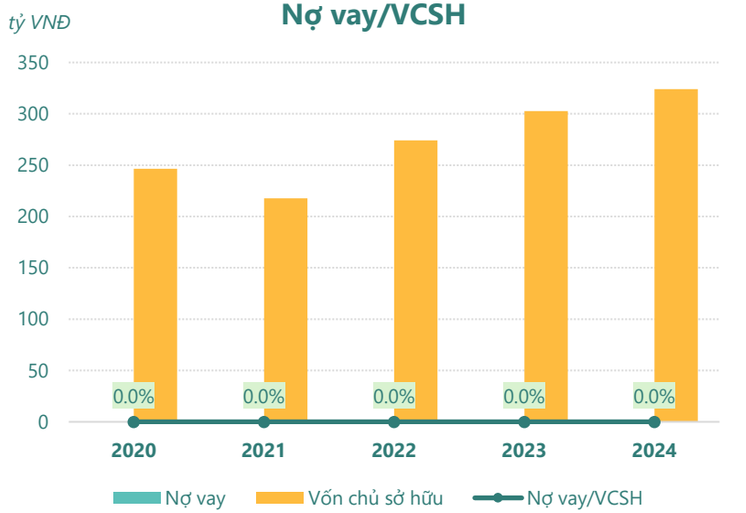
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

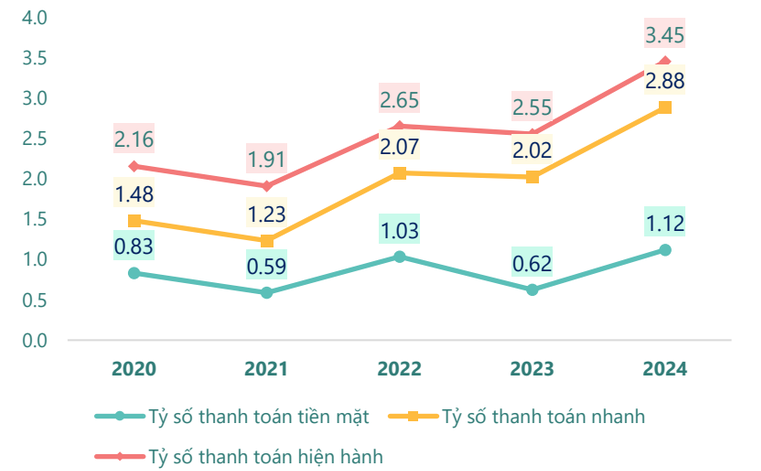
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



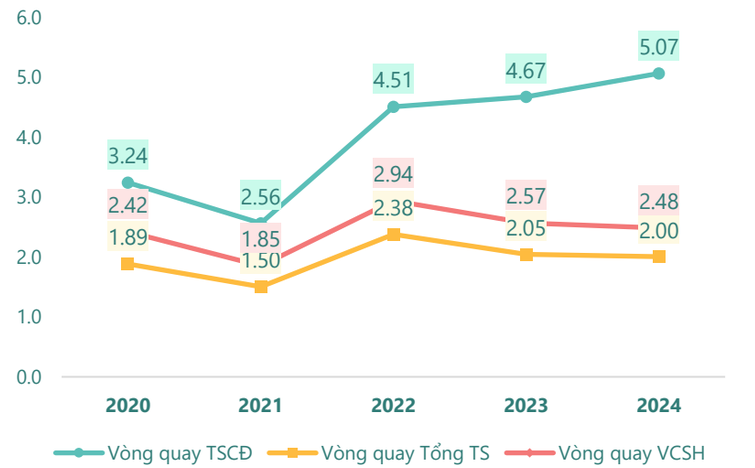
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



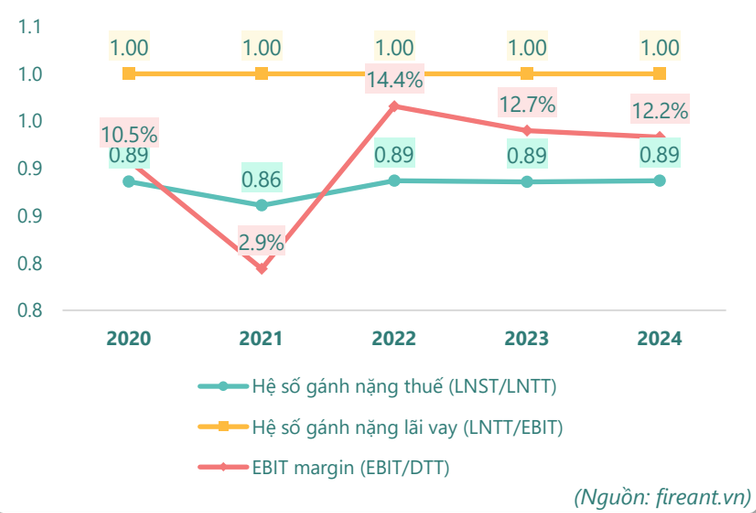
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



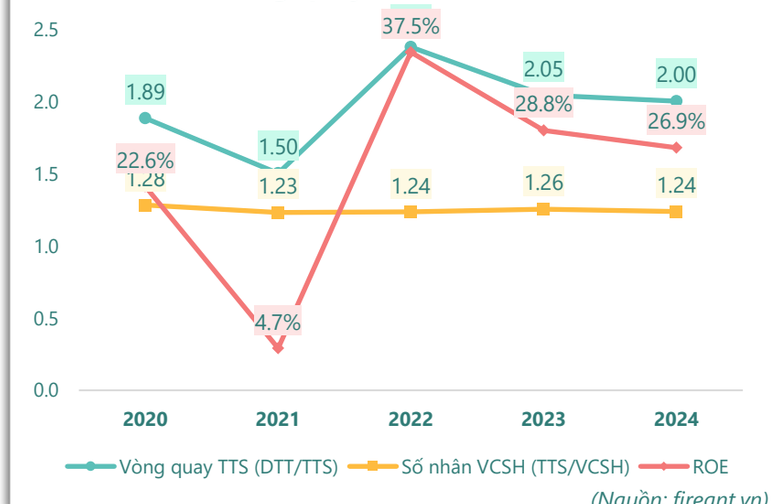
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



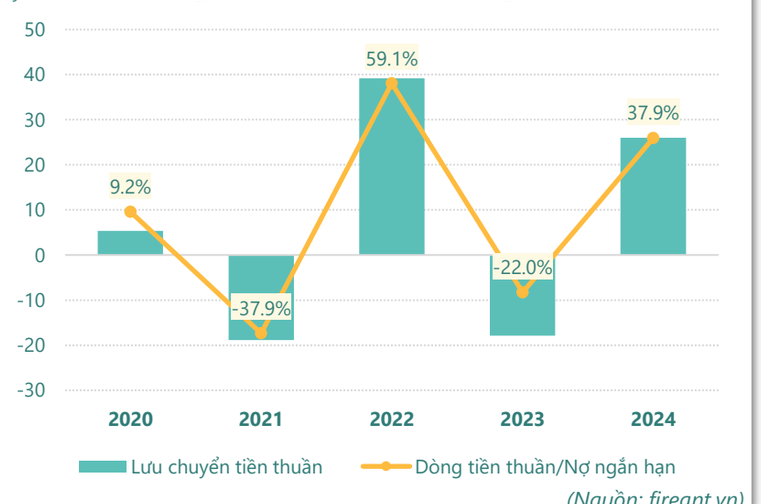
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**220**	**189**	**16.6%**	**400**	**367**	**9.1%**
Giá vốn hàng bán	169	149	13.8%	312	292	6.9%
Lợi nhuận gộp	50.8	40.4	25.7%	88.4	75.0	18.0%
Doanh thu HĐTC	2.57	1.55	65.6%	3.18	2.02	57.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.74	4.18	-10.5%	6.78	7.84	-13.6%
Chi phí QLDN	**17.6**	**16.0**	**10.1%**	**34.5**	**32.3**	**6.8%**
LN thuần từ HĐKD	32.0	21.8	46.8%	50.3	36.8	36.6%
Lợi nhuận khác	**0.26**	**0.77**	**-65.7%**	**0.59**	**1.32**	**-55.2%**
LN trước thuế	32.3	22.6	42.8%	50.9	38.1	33.4%
Lợi nhuận sau thuế	**28.7**	**20.0**	**43.6%**	**45.3**	**33.9**	**33.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.7**	**20.0**	**43.6%**	**45.3**	**33.9**	**33.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.8	25.7	36.5	22.9	18.0	52.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.0	-5.11	-15.2	-15.9	9.19	-17.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.1	-21.1	-16.5	-0.07	-16.5	-21.3
Tiền đầu kỳ	50.7	65.4	65.0	69.9	76.8	87.5
Lưu chuyển tiền thuần	**14.8**	**-0.51**	**4.84**	**6.89**	**10.7**	**13.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.12	0	-0.01	0	0.15
Tiền cuối kỳ	65.4	65.0	69.9	76.8	87.5	101

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**426**	**393**	**8.5%**
Tài sản ngắn hạn	259	237	9.2%
Tiền và tương đương tiền	101	76.8	31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	87.1	97.1	-10.3%
Phải thu ngắn hạn	26.4	22.3	18.7%
Hàng tồn kho	43.4	39.3	10.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	1.55	-23.6%
Tài sản dài hạn	**167**	**156**	**7.4%**
Phải thu dài hạn	0.22	0.02	899%
Tài sản cố định	158	145	8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**9.40**	**10.3**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.5	68.6	45.0%
Nợ ngắn hạn	**99.5**	**68.6**	**45.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	71.9	43.1	66.7%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**327**	**324**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**327**	**324**	**0.8%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)